LINK BÀI HỌC<https://youtu.be/ZY_t6BTvUcw>

**UNIT 8: FILMS**

Hạn nộp bài**:** CHỤP HÌNH VÀ NỘP LẠI CHO GVBM TRONG NGÀY HÔM NAY 03/04

**LỚP: 7A2,7A3, 7A4,7A5,7A6,7A7 nộp bài cho cô Kim Anh**

***Zalo: 0398190470***

***Mail: nkimanh0512@gmail.com***

**LỚP: 7A1,7A8 nộp bài cho cô Đức**

***Zalo: 0798235092***

***Mail: minhduchuynh2016@gmail.com***

**LỚP: 7A9 nộp bài cho cô Chung**

***Zalo: 0918492254***

***Mail: chungnh@ta.sgdbinhduong.edu.vn***

**HỌC SINH CHÉP VÀO VỞ VÀ HỌC THUỘC LÒNG CÁCH DÙNG (không cần chép nghĩa dịch ra tiếng Việt)**

Grammar

**Although/ In spite of/ Despite** chỉ mối quan hệ đối lập giữa hai thông tin trong cùng một câu.

**1. Although**

Although đi trước một mệnh đề . Chúng ta có cấu trúc câu phức có sử dụng although như sau:

Cấu trúc

Although + clause 1, clause 2

Ví dụ  
Although it is a horror film, I don't find it scary at all.  *(Mặc dù đó là một bộ phim kinh dị nhưng tôi không thấy nó rùng rợn chút nào.)*

Although they spent a lot of money on the film, it wasn't a big success.  *(Mặc dù họ chi rất nhiều tiền cho bộ phim nhưng nó không mang lại thành công lớn.)*

**2. In spite of/ Despite**

Despite hoặc In spite of đứng trước danh từ, cụm danh từ hoặc một cụm bắt đầu bằng động từ thêm đuôi –ing.

Cấu trúc

In spite of/ Despite + N/ Noun phrase/ V-ing phrase, clause.

Ví dụ:  
In spite of injuries, he performed excellently.  *(Bất chấp những chấn thương, anh ấy vẫn biểu diễn rất xuất sắc.)*

They had a lot of difficulties in making the film despite careful preparation.  *(Họ gặp phải rất nhiều khó khăn khi làm phim dù đã có sự chuẩn bị kỹ càng.)*

In spite of feeling really tired, I went to see the film with my friends.  *(Mặc dù cảm thấy rất mệt, tôi vẫn đi xem phim với các bạn của mình.)*

**II However/ Nevertheless**

**However/ Nevertheless** chỉ mối quan hệ đối lập giữa hai câu.

Cấu trúc

Sentence 1. However/ Nevertheless, Sentence 2.

Ví dụ:  
The film was boring. However, Tom saw it from beginning to end.  *(Bộ phim thật chán. Tuy nhiên, Tom đã xem nó từ đầu tới cuối.)*

The film received good reviews. Nevertheless, it didn't win the Oscar.  *(Bộ phim đã nhận được nhiều đánh giá tốt. Tuy nhiên, nó không giành được giải Oscar.)*

Chúng ta cùng theo dõi bảng tổng hợp lại để có thể dễ dàng sử dụng và phân biệt các nhóm từ nối vừa học nhé!

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Although** | **In spite of / Despite** | **However / Nevertheless** |
| Thể hiện mối quan hệ đối lập giữa hai thông tin trong cùng một câu | | Thể hiện mối quan hệ đối lập giữa hai câu |
| + mệnh đề | + danh từ / cụm danh từ / cụm bắt đầu bằng V-ing | + câu thứ hai |

EXERCISE

**I.Complete the sentences, using *although, despite, in spite of, however,* or *nevertheless.* Sometimes, two answers are possible.**

1. it was raining heavily, he went out without a raincoat.

2. My father is very busy. , he is always willing to give a hand with the housework.

3. Some English words have the same pronunciation they are spelled differently, for example, *dear* and *deer.*

4. I was cold and wet. , Bob put on his swimming suit and went to the beach.

5. I think I did OK in my speech last night I’d had almost no sleep for 24 hours.

6. Carol arrived at the meeting I asked her not to be there.

7. The sky was grey and cloudy. , we went to the beach.

8. It looks like they’re going to succeed their present difficulties.

9. there was no electricity, I was able to read because I had a candle.

10. I heard the telephone ring, I didn’t answer it.

**II. Rewrite the sentences, using the words in the brackets. Change other words in the sentence if necessary.**

1. I couldn’t sleep. I was tired. (in spite of)

2. They have little money. They are happy. (despite)

3. My foot was hurt. I managed to walk to the nearest village. (although)

4. We planned to visit Petronas in the afternoon. We could not afford the fee. (however)

5. I got very wet in the rain. I had an umbrella. (although)